BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 9648 /BTC-CST V/v lấy ý kiến tham gia về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.	*Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017*

VĂN PHÒNG UBND - NGHỊ VỤ
ĐẾN Số: 2399
Ngày: 24/7/17
Chuyển: Hải

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2017 thông báo tại công văn số 5237/VPCP-KTTH ngày 23/5/2017 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

Theo quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia về dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định. Ý kiến tham gia gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 11 tháng 8 năm 2017**. Mọi chi tiết xin liên hệ với Vụ Chính sách Thuế - Bộ Tài chính.

Địa chỉ: số 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số điện thoại (04) 22202828 (máy lẻ 5120, 5111)

Fax: (04) 22208010.

Bản mềm ý kiến tham gia xin gửi về địa chỉ email:

Tranthituyet@mof.gov.vn và tranthinguyettu@mof.gov.vn

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trang tin điện tử của Chính phủ;
- Trang tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Lưu: VT (2); CST(GTGT&TTĐB).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2017 thông báo tại công văn số 5237/VPCP-KTTH ngày 23/5/2017 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế (Nghị định số 100/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế (Nghị định số 12/2015/NĐ-CP). Dự thảo Nghị định đã được tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy trình xây dựng văn bản pháp luật, đăng trên trang thông tin điện tử Chính phủ, trang thông tin điện tử Bộ Tài chính. Căn cứ vào ý kiến của các tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU, YÊU CẦU BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Ngày 06 tháng 4 năm 2016, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa 13 đã thông qua Luật số 106/2016/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016. Để quy định chi tiết, ngày 01/7/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế. Từ khi triển khai thực hiện quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP đến nay, nhiều Hiệp hội, doanh nghiệp gửi văn bản đến Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính nêu vướng mắc và đề nghị hướng dẫn chi tiết để thực hiện, nội dung đề nghị chủ yếu tập trung làm rõ: (i) Sản phẩm nào thuộc đối tượng phải xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng khi xuất khẩu để áp dụng thuế GTGT cho phù hợp; (ii) Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến sản

phẩm xuất khẩu có bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác về nơi chế biến. Bên cạnh đó, quy định không hoàn thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu đã có cách hiểu khác dẫn đến trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với chủ trương khuyến khích xuất khẩu hàng hóa.

Ngoài ra, qua công tác thanh tra, kiểm tra cho thấy một số doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước đã chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động với giá trị cao so với mức tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên và cao hơn nhiều lần so với mức khống chế theo quy định trước đây. Kiểm toán Nhà nước (KTNN) cho rằng nếu không khống chế mức mua bảo hiểm nhân thọ sẽ dẫn đến các doanh nghiệp nhà nước vận dụng chi mua bảo hiểm nhân thọ ở mức cao, không hợp lý, đồng thời hạch toán vào chi phí được trừ, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phần vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp.

Do vậy, cần thiết phải ban hành Nghị định để tạo thuận lợi cho người nộp thuế, khuyến khích xuất khẩu. Đồng thời sửa đổi, bổ sung việc khống chế mức chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động để tránh lợi dụng chính sách làm giảm nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

II. KẾT CẤU DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP gồm 03 (ba) Điều như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016;

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 2 Điều 9 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 12/2015 của Chính phủ;

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

III. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

1. Về quy định sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

"11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc đã chế biến thành sản phẩm khác nhưng tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá

thành sản xuất sản phẩm trở lên được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên.

Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản này là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than.

Trị giá tài nguyên, khoáng sản là giá vốn tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến là giá thực tế mua cộng chi phí đưa tài nguyên, khoáng sản vào chế biến.

Chi phí năng lượng gồm: nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng;

Việc xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng căn cứ vào quyết toán năm trước; trường hợp doanh nghiệp mới thành lập chưa có báo cáo quyết toán năm trước thì căn cứ vào phương án đầu tư.

Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.".

Ngoài ra, để hướng dẫn về thuế về thuế xuất khẩu thì:

Tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hoá và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan có quy định thuế xuất khẩu của nhóm mặt hàng tại số thứ tự số 211 "*vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm không quy định ở trên có giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên*" là 5% (bằng mức thấp nhất của khung thuế xuất khẩu).

Tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định *"Việc xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm căn cứ vào quy định về xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn Nghị định này".*

- Về sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng phải xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng:

Trước ngày 01/7/2016: Theo quy định của Luật thuế GTGT thì sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm

khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng áp dụng thuế GTGT thuế suất 0%.

Qua nghiên cứu, tổng hợp cho thấy: Đối với sản phẩm xuất khẩu đã chế biến thành sản phẩm khác nhưng có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng (để chế biến) chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên là sản phẩm chưa chế biến sâu, giá trị gia tăng thấp. Để hạn chế xuất khẩu tài nguyên khoáng sản thô, tiêu hao nhiều năng lượng khi chế biến và bảo đảm chặt chẽ tránh gian lận trong hoàn thuế GTGT, Chính phủ đã trình Quốc hội bổ sung thêm tiêu chí mặc dù sản phẩm xuất khẩu được chế biến trực tiếp từ tài nguyên, khoáng sản đã được chế biến thành sản phẩm khác nhưng nếu tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì vẫn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để khuyến khích chế biến sâu, tạo giá trị gia tăng trong nước. Theo đó, nội dung trên đã được Quốc hội Khóa 13 thông qua tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế số 106/2006/QH13, Chính phủ hướng dẫn tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP, Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hoá và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Theo quy định của pháp luật về Quản lý thuế thì người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm khi xác định nghĩa vụ thuế của mình trừ trường hợp bị cơ quan thuế ấn định. Do đó, sau khi Luật số 106/2016/QH13 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2016), nhiều Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu sản phẩm được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản như: clinker, gang, hóa chất (phốt pho vàng và axit phốt pho ric thực phẩm),... và một số doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm không trực tiếp sản xuất từ tài nguyên, khoáng sản như: xi măng, thép, tôn, dây điện,... có văn bản đề nghị hướng dẫn rõ sản phẩm nào xuất khẩu thuộc đối tượng tính trị giá tài nguyên, khoáng sản, chi phí năng lượng để áp dụng chính sách thuế GTGT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế và tránh bị truy thu hay xử phạt khi cơ quan thuế thanh tra, kiểm tra.

Bộ Tài chính thấy rằng, theo quy định trên *"Sản phẩm được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản"* là những sản phẩm được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu là tài nguyên, khoáng sản thì phải xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng năng lượng khi xuất khẩu.

Theo đó, sản phẩm xuất khẩu không trực tiếp chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thì không phải tính "tỷ lệ chi phí tài nguyên, khoáng sản, năng lượng"[1] và được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định.

[1] Tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản là những sản phẩm được chế biến từ nguyên liệu có nguồn gốc từ tài nguyên, khoáng sản. Như vậy, hầu hết các sản phẩm xuất khẩu đều được sản xuất từ nguyên liệu có nguồn gốc từ tài nguyên, khoáng sản và doanh nghiệp phải tính tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm đối với tất cả các mặt hàng xuất khẩu.

Ví dụ:

- Đối với sản phẩm dây cáp điện: Nguyên liệu để sản xuất dây cáp gồm có: Đồng thỏi và vỏ nhựa.

+ Đồng thỏi: Được sản xuất từ quặng đồng (là tài nguyên, khoáng sản);

+ Vỏ nhựa: Được sản xuất từ dầu mỏ (là tài nguyên, khoáng sản).

- Sản phẩm vòi hoa sen xuất khẩu: Nguyên liệu sản xuất là thép.

Thép được sản xuất từ quặng sắt ... (có nguồn gốc là tài nguyên, khoáng sản). Do vậy, vòi hoa sen xuất khẩu cũng thuộc đối tượng tính trị giá tài nguyên khoáng sản cộng chi phí năng lượng.

Trên thực tế, cơ quan thuế đã không thực hiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và thực hiện thu thuế xuất khẩu 5% đối với các sản phẩm: xi măng xuất khẩu, mặt hàng tôn xuất khẩu, phụ tùng ô tô xuất khẩu,... Mặc dù đây là những sản phẩm đã được chế biến sâu và cần được khuyến khích xuất khẩu theo chủ trương của Đảng nhà nước.

Do vậy, để tránh cách hiểu khác và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định chi tiết một số trường hợp không thuộc đối tượng áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT và được áp dụng thuế GTGT 0% khi xuất khẩu tại Nghị định như sau:

"11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên, trừ các trường hợp sau:

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm

khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.".

- Về xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản đối với trường hợp doanh nghiệp mua về để chế biến thành sản phẩm xuất khẩu:

Tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ có quy định: "*...Trị giá tài nguyên, khoáng sản là giá vốn tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến là giá thực tế mua cộng chi phí đưa tài nguyên, khoáng sản vào chế biến*".

Một số doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu sản phẩm được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản như: bột Carbonate Canxi (bột đá vôi trắng) có kiến nghị không tính chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản vào trị giá tài nguyên, khoáng sản khi xác định tỷ trọng trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản phẩm vì: Doanh nghiệp mua đá khai thác ở Yên Bái chuyển về Phú Thọ để chế biến (vì nhà máy đặt tại Phú Thọ), chi phí mua 1 tấn đá là 150.000 đồng nhưng chi phí vận chuyển là 250.000 đồng với khoảng cách khoảng 100 km). Như vậy, chi phí vận chuyển cao hơn so với trị giá tài nguyên, khoáng sản nên nếu tính cả chi phí vận chuyển trong trị giá tài nguyên khoáng sản sẽ không bình đẳng với cơ sở sản xuất chế biến tại chỗ (cùng 1 sản phẩm xuất khẩu như nhau nhưng có sản phẩm được áp dụng thuế suất 0% khi xuất khẩu có sản phẩm không được vì giá trị tài nguyên (trong đó chi phí vận chuyển chiếm tỷ trọng lớn) cộng với chi phí năng lượng trên 51%).

Do vậy, để phù hợp với thực tế, Bộ Tài chính trình Chính phủ hướng dẫn:

"Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến".

➢ Tổng hợp các đề xuất nêu trên, Bộ Tài chính đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi bổ sung

khoản tại 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP như sau:

"11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên, trừ các trường hợp sau:

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than.

Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến.

Chi phí năng lượng gồm: nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng;

Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng

trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác quy định tại Khoản này."

2. Về việc không hoàn thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu:

Trước ngày 01/7/2016: Theo quy định của Luật thuế GTGT thì *cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý.*

Thực tế qua công tác thanh tra, kiểm tra cho thấy nhiều trường hợp xuất khẩu cho khách hàng ở nước ngoài qua cửa khẩu đất liền có dấu hiệu gian lận, thông đồng lợi dụng chính sách hoàn thuế GTGT để chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước thông qua việc hợp thức hóa hồ sơ hoàn thuế (hàng xuất khẩu sau lại quay vòng để lập hồ sơ hoàn thuế GTGT khống) do một số cửa khẩu đất liền chưa có đủ các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thủ tục kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động qua lại biên giới.

Đối với hàng nhập khẩu để xuất khẩu: Doanh nghiệp lập hồ sơ hoàn thuế GTGT chủ yếu là mặt hàng chịu thuế TTĐB như: rượu, thuốc lá, bia nhập khẩu sau xuất khẩu ra nước ngoài. Qua thanh tra, kiểm tra, các hồ sơ hoàn thuế này có dấu hiệu gian lận, hợp thức hóa chứng từ vì các mặt hàng này vừa chịu thuế nhập khẩu vừa chịu thuế TTĐB ở mức thuế suất cao (thuốc lá: 65%, rượu: 50%, bia: 50% sau khi nhập khẩu đã nộp các loại thuế này lại xuất khẩu để chỉ được hoàn thuế GTGT).

Vì vậy, để ngăn chặn gian lận hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng nhập khẩu, hàng sản xuất trong nước xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới đất liền (cửa khẩu không thuộc địa bàn hoạt động hải quan) và phù hợp với quy định của Luật Hải quan, ngày 06/4/2016 Quốc hội Khóa 13 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế số 106/2016/QH13 và tại khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2013/QH13 quy định về hoàn thuế GTGT như sau:

"2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan..."

Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP có quy định như sau:

"Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan và các văn bản hướng dẫn."

Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP hướng dẫn như nội dung đã được quy định tại Luật số 106/2016/QH13 và không bổ sung nội dung hướng dẫn chi tiết nên khi thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 các Hiệp hội, doanh nghiệp gặp vướng mắc và có văn bản gửi về Bộ Tài chính, Tổng cục thuế, Tổng cục hải quan đề nghị hướng dẫn vì cơ quan thuế và cơ quan hải quan không thực hiện hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp: (1) Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất bán vào khu phi thuế quan; (2) Hàng hóa đã nhập khẩu nhưng xuất trả lại chủ hàng nước ngoài; (3) Hàng hóa đã nhập khẩu sau đó làm thủ tục xuất khẩu sang nước khác do cơ quan thuế, cơ quan hải quan cho rằng tất cả các hàng hóa nêu trên đều là hàng nhập khẩu để xuất khẩu không thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT mặc dù trước ngày 01/7/2017 doanh nghiệp vẫn được hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu.

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của cơ quan thuế, cơ quan hải quan, Bộ Tài chính thấy rằng các trường hợp nêu trên nếu không được hoàn thuế GTGT sẽ dẫn đến tăng chi phí, tăng giá bán của hàng hóa xuất khẩu, đồng thời chưa phù hợp với chủ trương là khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, do đó cần phải hướng dẫn rõ các trường hợp trên thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT để khuyến khích các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa sau đó thực hiện xuất bán vào khu phi thuế quan, xuất bán sang nước khác.

Do vậy, để phù hợp với thực tế và khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định chi tiết tại dự thảo Nghị định như sau: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất bán vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất trả lại chủ hàng thì thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không thực hiện xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan và các văn bản hướng dẫn.

Nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP như sau:

"Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả trường hợp: hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất bán vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu

trừ vào tháng, quý tiếp theo; trường hợp vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu mà hàng hóa xuất khẩu đó không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

Cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không bị xử lý đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành."

3. Về bổ sung quy định khống chế mức chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động:

Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ (khoản 7 Điều 1) doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ đối với: *"Phần chi vượt mức 01 triệu đồng/tháng/người để trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động; phần vượt mức quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế để trích nộp các quỹ có tính chất an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm hưu trí bổ sung), quỹ bảo hiểm y tế và quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động;"*. Theo đó, đối với khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, doanh nghiệp được tính toàn bộ vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu việc mua bảo hiểm nhân thọ này được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ như Hợp đồng lao động, Thoả ước lao động tập thể, Quy chế tài chính, Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, đồng thời có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Quy định mới này nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đảm bảo an sinh cho người lao động, qua đó thu hút, khuyến khích tạo động lực để người lao

động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Quy định này được áp dụng thống nhất giữa các loại hình doanh nghiệp, đảm bảo không có sự phân biệt giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp khác.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện một số doanh nghiệp nhà nước đã chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động với giá trị cao so với mức tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên và cao hơn nhiều lần so với mức khống chế theo quy định trước đây. Kiểm toán Nhà nước (KTNN) qua thực tế công tác kiểm toán đối với một số doanh nghiệp nhà nước cũng cho rằng nếu không khống chế mức mua bảo hiểm nhân thọ sẽ dẫn đến các doanh nghiệp nhà nước vận dụng chi mua bảo hiểm nhân thọ ở mức cao, không hợp lý, đồng thời hạch toán vào chi phí được trừ, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phần vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp và đề nghị Bộ Tài chính cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định hiện hành, tránh việc lợi dụng.

Về vấn đề chi phí mua bảo hiểm nhân thọ của doanh nghiệp nhà nước, Bộ Tài chính cũng đã có công văn số 1051/BTC-TCDN ngày 23/01/2017 báo cáo, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ. Tại công văn số 1309/VPCP-KTTH ngày 15/02/2017 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ có ý kiến chỉ đạo: *"Trước mắt, Bộ Tài chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế; đồng thời khẩn trương rà soát, nghiên cứu, đánh giá vấn đề trên để trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật."*.

Do vậy, để giải quyết tình trạng bất cập nêu trên, đảm bảo chính sách được thống nhất, minh bạch, Bộ Tài chính trình Chính phủ quyết định việc sửa đổi tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định đối với khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, cụ thể như sau:

"Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 2 Điều 9 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 12/2015 của Chính phủ như sau:

o) Phần chi vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người để: trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động; phần vượt mức quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế để trích nộp các quỹ có tính chất an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm hưu trí bổ sung bắt buộc), quỹ bảo hiểm y tế và quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động;

Khoản chi trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động được tính vào chi phí được trừ ngoài việc không vượt mức quy định tại khoản này còn phải được ghi cụ thể điều kiện hưởng và mức hưởng tại một trong các

hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thoả ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty;".

4. Về hiệu lực thi hành:

Tại khoản 1 Điều 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 quy định về hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật như sau:

"1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước.".

Căn cứ vào quy định trên, Bộ Tài chính thấy rằng:

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 cho phép quy định hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương.

- Đối với sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản:

Luật thuế GTGT quy định thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (doanh nghiệp được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào tương ứng) trừ một số trường hợp hàng hóa dịch vụ không được áp dụng thuế suất 0%, trong đó có loại trừ đối với sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên.

Do nội dung quy định tính tỷ lệ tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng tại Luật số 106/2016/QH13 là nội dung mới nên tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP chưa lường hết được các trường hợp phát sinh trong thực tế dẫn đến các cách hiểu khác: sản phẩm xuất khẩu có nguồn gốc từ tài nguyên, khoáng sản phải tính trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng. Với cách hiểu này thì tất cả sản phẩm xuất khẩu đều thuộc đối tượng tính trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng, như vậy, quy định này sẽ khó thực hiện và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng thủ tục hành chính của doanh nghiệp và chưa tạo điều kiện khuyến khích xuất khẩu sản phẩm.

- Đối với hàng nhập khẩu để xuất khẩu:

Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP hướng dẫn như nội dung đã được quy định tại

Luật số 106/2016/QH13 và không bổ sung nội dung hướng dẫn chi tiết. Thực tế cơ quan thuế và cơ quan hải quan đã không hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp: (1) Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất bán vào khu phi thuế quan; (2) Hàng hóa đã nhập khẩu nhưng tái xuất trả lại chủ hàng nước ngoài; (3) Hàng hóa đã nhập khẩu sau đó làm thủ tục xuất khẩu sang nước khác. Các trường hợp này được hoàn thuế GTGT là phù hợp với luật và bản chất kinh tế nhưng do còn cách hiểu khác cơ quan thuế, cơ quan hải quan không cho hoàn thuế GTGT khi xuất khẩu sẽ dẫn đến tăng chi phí, tăng giá bán của hàng hóa xuất khẩu, chưa phù hợp với chủ trương là khuyến khích xuất khẩu hàng hóa.

Việc quy định hiệu lực trở về trước sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, khuyến khích xuất khẩu sản phẩm, giảm giá bán của sản phẩm trên thị trường thế giới. Do vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 để hướng dẫn hiệu lực của Nghị định áp dụng từ khi Luật số 106/2016/QH13 có hiệu lực (ngày 01/7/2016).

Nội dung sửa đổi thể hiện tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:

Trường hợp từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở kinh doanh đã thực hiện khác quy định tại Điều 1 Nghị định này thì được kê khai điều chỉnh bổ sung theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về quản lý thuế.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Trên đây là nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ trình kèm: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (GTGT&TTĐB).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12; Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng; Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12; Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ như sau:

1. Khoản 11 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với

chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên, trừ các trường hợp sau:

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than.

Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến.

Chi phí năng lượng gồm: nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng;

Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác quy định tại Khoản này."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

"3. Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả trường hợp: hàng hóa nhập khẩu sau đó tái xuất vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo; trường hợp vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu mà hàng hóa xuất khẩu đó không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

Cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không bị xử lý đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 2 Điều 9 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 12/2015 của Chính phủ như sau:

"o) Phần chi vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người để: trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động; phần vượt mức quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế để trích nộp các quỹ có tính chất an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm hưu trí bổ sung bắt buộc), quỹ bảo hiểm y tế và quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động;

Khoản chi trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động được tính

vào chi phí được trừ ngoài việc không vượt mức quy định tại khoản này còn phải được ghi cụ thể điều kiện hưởng và mức hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thoả ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty;".

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành:

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.

2. Trường hợp từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở kinh doanh đã thực hiện khác quy định tại Điều 1 Nghị định này thì được kê khai điều chỉnh bổ sung theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư,....

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc